TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1426/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 826/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 01/01/1995

CCCD số: 070195000022;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: A Đường số I, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Bùi Trường S, sinh ngày 14/09/1993

CCCD số: 079093038845;

Hộ khẩu thường trú: A Đ, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú hiện nay: Số A Đường số F, Khu phố B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Các đương sự kết hôn hợp pháp, việc yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Việc các bên thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí toà án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S chịu lệ phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng được cấn từ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0026812 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Trường S đã nộp đủ.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 152 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 09/12/2013 không còn hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - TPHCM;
- VKS nhân dân TPHCM;
-UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Bình